ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
SỞ TƯ PHÁP

*

MỘT SỐ CÂU HỎI
LIÊN QUAN ĐẾN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Tài liệu được cấp phát miễn phí)

Hà Tĩnh, tháng 12/2021

Lời giới thiệu

Xử lý vi phạm hành chính là hoạt động của cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng những biện pháp cưỡng chế do pháp luật quy định đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Đây là một nhiệm vụ phức tạp, mang tính chuyên môn, nghiệp vụ cao, phải được thực hiện một cách chính xác, nghiêm túc theo đúng quy định của pháp luật nhằm duy trì trật tự, kỷ cương trong quản lý hành chính nhà nước. Cơ sở pháp lý chung cho hoạt động này được quy định tại Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 81/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ hướng dẫn và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính; Nghị định số 97/2017/NĐ-CP ngày 18/8/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 81/2013/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ hướng dẫn và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính.

Qua kiểm tra tại các đơn vị, địa phương cho thấy các sai sót trong xử phạt vi phạm hành chính rất đa dạng, ở nhiều khía cạnh khác nhau. Để trang bị kiến thức, kinh nghiệm và nâng cao nghiệp vụ cho công chức, viên chức làm công tác quản lý xử lý vi phạm hành chính và chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, tránh các sai sót, trên cơ sở các quy định của pháp luật, Sở Tư pháp đã tổng hợp, phân loại, hệ thống thành các câu hỏi để các đơn vị, địa phương dễ dàng nhận diện trong quá trình triển khai nhiệm vụ và biên soạn thành cuốn tài liệu **"Một số câu hỏi liên quan đến xử phạt vi phạm hành chính"**.

Mặc dù có nhiều cố gắng, nhưng trong quá trình biên soạn chắc chắn không thể tránh khỏi những thiếu sót. Vì vậy, rất mong nhận được các ý kiến đóng góp của bạn đọc để chúng tôi bổ sung và hoàn thiện trong những lần xuất bản tiếp theo. Mọi đóng góp xin gửi về Sở Tư pháp theo địa chỉ: sotuphap@hatinh.gov.vn. Số điện thoại 02393.881676.

Trân trọng giới thiệu cùng bạn đọc!

CÂU HỎI 1: Vi phạm hành chính là gì? Các đối tượng nào bị xử phạt vi phạm hành chính?

1. Vi phạm hành chính

Khoản 1 Điều 2 Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2012 (Luật XLVPHC) đã định nghĩa vi phạm hành chính như sau: *"Vi phạm hành chính là hành vi có lỗi do cá nhân, tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý nhà nước mà không phải là tội phạm và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính"*.

2. Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính

Đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính phải là cá nhân, tổ chức có lỗi thực hiện hành vi vi phạm được quy định trong nghị định xử phạt.

- Cá nhân bị xử phạt vi phạm hành chính: Cá nhân có năng lực pháp luật hành chính là người có khả năng nhận thức được tính chất nguy hại cho xã hội của hành vi, hậu quả của hành vi, điều khiển được hành vi đó. Những người hành động trong tình thế cấp thiết, phòng vệ chính đáng, sự kiện bất ngờ hoặc người mắc bệnh tâm thần, mắc bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc mất khả năng điều khiển hành vi, và chưa đủ tuổi do pháp luật quy định thì không phải chịu trách nhiệm hành chính, nghĩa là không bị xử phạt.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật XLVPHC 2012: *"Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính.*

Người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân vi phạm hành chính thì bị xử lý như đối với công dân khác; trường hợp cần áp dụng hình thức phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn liên quan đến quốc phòng, an ninh thì người xử phạt đề nghị cơ quan, đơn vị Quân đội nhân dân, Công an nhân dân có thẩm quyền xử lý".

Lưu ý: *Theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) thì trường hợp cán bộ, công chức, viên chức thực hiện hành vi vi phạm khi đang thi hành công vụ, nhiệm vụ và hành vi vi phạm đó thuộc công vụ, nhiệm vụ được giao theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.*

Cơ quan nhà nước thực hiện hành vi vi phạm thuộc nhiệm vụ quản lý nhà nước được giao, thì không bị xử phạt theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

- Tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Luật XLVPHC 2012 và khoản 2 Điều 1 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) thì tổ chức là đối tượng bị xử phạt vi phạm hành chính khi có đủ các điều kiện sau đây:

+ Là pháp nhân theo quy định của pháp luật dân sự hoặc các tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật;

+ Hành vi vi phạm hành chính do người đại diện, người được giao nhiệm vụ nhân danh tổ chức hoặc người thực hiện hành vi theo sự chỉ đạo, điều hành, phân công, chấp thuận của tổ chức và theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt vi phạm hành chính.

CÂU HỎI 2: Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là gì? Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào?

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được hiểu là thời hạn (khoảng thời gian) để người có thẩm quyền xử phạt thực hiện việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm pháp luật hành chính, kể từ thời điểm phát hiện/chấm dứt hành vi vi phạm đó.

Theo điểm a khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định thời hiệu xử phạt như sau:

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 01 năm, trừ các trường hợp sau đây: Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đê điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm.

Vi phạm hành chính về thuế thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cụ thể, Khoản 2 Điều 8 Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn quy định: Thời hiệu xử phạt đối với hành vi vi phạm thủ tục thuế là 02 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm; thời hiệu xử phạt đối với hành vi trốn thuế chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự, hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế phải nộp hoặc tăng số tiền thuế được miễn, giảm, hoàn là 05 năm, kể từ ngày thực hiện hành vi vi phạm.

2. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC 2012:

- Đối với vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

- Đối với vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

Cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

3. Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 6 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 72 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020): Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân, tổ chức do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến, thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

CÂU HỎI 3: Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt được quy định như thế nào?

1. Các hình thức xử phạt

Khoản 1 Điều 21 Luật XLVPHC 2012 quy định 05 hình thức xử phạt vi phạm hành chính, cụ thể:

- Cảnh cáo;

- Phạt tiền;

- Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn;

- Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính;

- Trục xuất.

2. Nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt vi phạm hành chính:

- Khoản 2 Điều 21 Luật XLVPHC 2012 quy định:

+ Hình thức xử phạt cảnh cáo và phạt tiền chỉ được quy định và áp dụng là hình thức xử phạt chính.

+ Hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn; Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính; Trục xuất có thể được quy định là hình thức xử phạt bổ sung hoặc hình thức xử phạt chính.

- Khoản 3 Điều 21 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định:

+ Mỗi vi phạm hành chính được quy định một hình thức xử phạt chính, có thể quy định một hoặc nhiều hình thức xử phạt bổ sung kèm theo.

+ Hình thức xử phạt bổ sung được áp dụng kèm theo hình thức xử phạt chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 65 của Luật XLVPHC 2012.

3. Đối với việc áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, theo Điều 7 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP quy định:

- Trường hợp một cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính mà bị xử phạt trong cùng một lần, trong đó có từ hai hành vi trở lên bị áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng cùng một loại giấy phép, chứng chỉ hành nghề, thì áp dụng thời hạn tước quyền sử dụng giấy phép; chứng chỉ hành nghề của hành vi vi phạm hành chính có thời hạn tước dài nhất.

- Thẩm quyền áp dụng hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề không phụ thuộc vào cơ quan, người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề mà chỉ thực hiện theo quy định tại Luật XLVPHC 2012.

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, người có thẩm quyền ra quyết định phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, người đã cấp giấy phép, chứng chỉ hành nghề đó.

- Trường hợp phát hiện giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động bị cố ý tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung, thì người có thẩm quyền xử phạt tịch thu và thông báo cho cơ quan đã cấp giấy phép, chứng chỉ, giấy đăng ký hoạt động bị tịch thu biết.

CÂU HỎI 4: Khi phát hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền tiến hành xử phạt

vi phạm hành chính theo trình tự, thủ tục như thế nào?

Khi phát hiện hành vi VPHC của tổ chức, cá nhân thì người có thẩm quyền tiến hành các bước sau:

1. Lập biên bản vi phạm hành chính

- Trình tự, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính được quy định tại Điều 58 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) và được nêu cụ thể tại CÂU HỎI 5 tài liệu này.

- Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính được quy định tại tại khoản 1 Điều 58 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) và Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) và được nêu cụ thể tại CÂU HỎI 8 tài liệu này.

Lưu ý: Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật XLVPHC 2012 thì người có thẩm quyền xử phạt ban hành quyết định xử phạt tại chỗ.

2. Xem xét trước khi ra quyết định xử phạt

- Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được quy định tại Điều 59 Luật XLVPHC 2012;

- Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt được quy định tại Điều 60 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 72 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC 2020);

- Giải trình được quy định tại Điều 61 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 30 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC 2020);

- Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 62 Luật XLVPHC 2012;

3. Ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Thời hạn ra quyết định xử phạt được quy định tại Điều 66 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 34 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC 2020) và được nêu cụ thể tại CÂU HỎI 15 tài liệu này;

- Ra quyết định xử phạt được quy định tại Điều 67 Luật XLVPHC 2012;

4. Thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính

- Thủ tục thi hành quyết định xử phạt không lập biên bản được quy định tại Điều 69, Khoản 6 và Khoản 10 Điều 125 Luật XLVPHC 2012:

+ Thi hành quyết định xử phạt cảnh cáo;

+ Thi hành quyết định phạt tiền.

- Thủ tục thi hành quyết định xử phạt có lập biên bản:

+ Gửi quyết định xử phạt để thi hành được quy định tại Điều 70 Luật XLVPHC 2012;

+ Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành được quy định tại Điều 71 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 35 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC 2020);

+ Công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng việc xử phạt đối với cá nhân, tổ chức VPHC được quy định tại Điều 72 Luật XLVPHC 2012;

+ Thi hành quyết định xử phạt: Thi hành quyết định phạt tiền được quy định tại Điều 78, 79 Luật XLVPHC 2012; Thủ tục tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn được quy định

tại Điều 80 Luật XLVPHC 2012; Thủ tục tịch thu tang vật, phương tiện VPHC được quy định tại Điều 81 Luật XLVPHC 2012; Quản lý tiền thu từ XPVPHC, chứng từ thu nộp tiền phạt được quy định tại Điều 83 Luật XLVPHC 2012; Thủ tục thi hành biện pháp khắc phục hậu quả được quy định tại Điều 85 Luật XLVPHC 2012;

- Cưỡng chế thi hành quyết định XPVPHC: Trình tự, thủ tục được quy định cụ thể tại Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2103 của Chính phủ quy định thủ tục áp dụng các biện pháp cưỡng chế.

5. Tích hợp vào cơ sở dữ liệu quốc gia về xử lý vi phạm hành chính**:**

Quy trình cung cấp, tiếp nhận thông tin, nội dung thông tin cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về XLVPHC được quy định cụ thể tại Nghị định số 20/2016/NĐ-CP ngày 30/3/2016 của Chính phủ quy định trách nhiệm, quy trình cung cấp, tiếp nhận, cập nhật thông tin về XLVPHC.

CÂU HỎI 5: Biên bản vi phạm hành chính gồm những nội dung gì? Các yêu cầu về việc lập biên bản vi phạm hành chính?

Điều 58 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định:

1. Biên bản vi phạm hành chính có nội dung chủ yếu sau:

- Thời gian, địa điểm lập biên bản;

- Thông tin về người lập biên bản, cá nhân, tổ chức vi phạm và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan;

- Thời gian, địa điểm xảy ra vi phạm; mô tả vụ việc, hành vi vi phạm;

- Lời khai của người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm, người chứng kiến, người bị thiệt hại hoặc đại diện tổ chức bị thiệt hại;

- Biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính;

- Quyền và thời hạn giải trình.

2. Các yêu cầu về việc lập biên bản vi phạm hành chính

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập thành ít nhất 02 bản, phải được người lập biên bản và người vi phạm hoặc đại diện tổ chức vi phạm ký. Trừ trường hợp biên bản được lập, gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.

Biên bản vi phạm hành chính lập xong phải được giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính 01 bản; trường hợp vi phạm hành chính không thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản thì biên bản và các tài liệu khác phải được chuyển cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 24 giờ kể từ khi lập biên bản, trừ trường hợp biên bản vi phạm hành chính được lập trên tàu bay, tàu biển, tàu hỏa.

Biên bản vi phạm hành chính có thể được lập, gửi bằng phương thức điện tử đối với trường hợp cơ quan của người có thẩm quyền xử phạt, cá nhân, tổ chức vi phạm đáp ứng điều kiện về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật, thông tin.

Biên bản vi phạm hành chính phải được lập đúng nội dung, hình thức, thủ tục theo quy định của Luật XLVPHC 2012 và là căn cứ ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, trừ trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản quy định tại khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 63 của Luật XLVPHC 2012 và trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác.

CÂU HỎI 6. Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì xử

lý như thế nào? Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định thì xử lý như thế nào?

- Khoản 4 Điều 58 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định: Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không ký vào biên bản thì biên bản phải có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã nơi xảy ra vi phạm hoặc của ít nhất 01 người chứng kiến xác nhận việc cá nhân, tổ chức vi phạm không ký vào biên bản; trường hợp không có chữ ký của đại diện chính quyền cấp xã hoặc của người chứng kiến thì phải ghi rõ lý do vào biên bản.

- Khoản 6 Điều 58 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định: Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 58 Luật XLVPHC 2012 thì phải tiến hành xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC 2012 để làm căn cứ ra quyết định xử phạt. Việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính được lập thành

biên bản xác minh. Biên bản xác minh là tài liệu gắn liền với biên bản vi phạm hành chính và được lưu trong hồ sơ xử phạt.

CÂU HỎI 7: Trong một vụ việc có nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xử lý như thế nào?

Khoản 4 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP quy định: Trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính trong cùng một vụ vi phạm, thì biên bản vi phạm hành chính phải ghi rõ từng hành vi vi phạm. Việc ra quyết định xử phạt được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 67 Luật XLVPHC 2012.

Khoản 3 Điều 67 Luật XLVPHC 2012 quy định: Trường hợp nhiều cá nhân, tổ chức thực hiện nhiều hành vi vi phạm hành chính khác nhau trong cùng một vụ vi phạm thì có thể ra 01 hoặc nhiều quyết định xử phạt để quyết định hình thức, mức xử phạt đối với từng hành vi vi phạm của từng cá nhân, tổ chức.

CÂU HỎI 8: Những người nào có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính?

Theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) và Khoản 1 Điều 6 Nghị định

số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính gồm người có thẩm quyền xử phạt, công chức, viên chức và người thuộc lực lượng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân đang thi hành công vụ, nhiệm vụ theo văn bản quy phạm pháp luật hoặc văn bản hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền ban hành; người chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu và những người được chỉ huy tàu bay, thuyền trưởng, trưởng tàu giao nhiệm vụ lập biên bản. Các chức danh có thẩm quyền lập biên bản được quy định cụ thể tại các nghị định xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý nhà nước.

Theo khoản 2 Điều 6 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) thì người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính nêu trên nhưng không có thẩm quyền xử phạt chỉ có quyền lập biên bản về những vi phạm thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao và chịu trách nhiệm về việc lập biên bản.

Trường hợp vụ việc vi phạm vừa có hành vi vi phạm thuộc thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, vừa có hành vi vi phạm không thuộc

thẩm quyền xử phạt hoặc vượt quá thẩm quyền xử phạt của người lập biên bản, thì người đó vẫn phải tiến hành lập biên bản vi phạm hành chính đối với tất cả các hành vi vi phạm và chuyển ngay biên bản đến người có thẩm quyền xử phạt để tiến hành xử phạt theo quy định tại khoản 5 Điều 58 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 29 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020).

CÂU HỎI 9: Trường hợp nào thì đối tượng vi phạm hành chính được thực hiện quyền giải trình?

Điều 61 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định:

Đối với hành vi vi phạm hành chính mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn hoặc quy định mức tối đa của khung tiền phạt đối với hành vi đó từ 15.000.000 đồng trở lên đối với cá nhân, từ 30.000.000 đồng trở lên đối với tổ chức thì cá nhân, tổ chức vi phạm có quyền giải trình trực tiếp hoặc bằng văn bản với người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Người có thẩm quyền xử phạt có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình

của cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính để ra quyết định xử phạt, trừ trường hợp cá nhân, tổ chức không yêu cầu giải trình.

- Đối với trường hợp giải trình bằng văn bản, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính phải gửi văn bản giải trình cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Trường hợp vụ việc có nhiều tình tiết phức tạp thì người có thẩm quyền xử phạt có thể gia hạn nhưng không quá 05 ngày làm việc theo đề nghị của cá nhân, tổ chức vi phạm. Việc gia hạn của người có thẩm quyền xử phạt phải bằng văn bản.

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính tự mình hoặc ủy quyền cho người đại diện hợp pháp của mình thực hiện việc giải trình bằng văn bản.

- Đối với trường hợp giải trình trực tiếp, cá nhân, tổ chức, vi phạm hành chính phải gửi văn bản yêu cầu được giải trình trực tiếp đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Người có thẩm quyền xử phạt phải thông báo bằng văn bản cho người vi phạm về thời gian và địa điểm tổ chức phiên giải trình trực tiếp trong

thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của người vi phạm.

Người có thẩm quyền xử phạt tổ chức phiên giải trình trực tiếp và có trách nhiệm nêu căn cứ pháp lý, tình tiết, chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm hành chính, bình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả dự kiến áp dụng đối với hành vi vi phạm. Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính, người đại diện hợp pháp của họ có quyền tham gia phiên giải trình và đưa ra ý kiến, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

Việc giải trình trực tiếp được lập thành biên bản và phải có chữ ký của các bên liên quan; trường hợp biên bản gồm nhiều trang thì các bên phải ký vào từng trang biên bản. Biên bản phải được lưu trong hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính và giao cho cá nhân, tổ chức vi phạm hoặc người đại diện hợp pháp của họ 01 bản.

- Trường hợp cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính không yêu cầu giải trình nhưng trước khi hết thời hạn quy định tại khoản 2 hoặc khoản 3 Điều 61 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 30 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) lại có yêu cầu giải trình thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

có trách nhiệm xem xét ý kiến giải trình của cá nhân, tổ chức vi phạm.

CÂU HỎI 10: Khi xem xét xử lý vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì xử lý như thế nào?

Điều 62 Luật XLVPHC 2012 (được bổ sung quy định tại điểm b khoản 72 và điểm e khoản 73 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020):

- Khi xem xét vụ vi phạm để quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền xử phạt phải chuyển ngay hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

- Trong quá trình thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, nếu hành vi vi phạm được phát hiện có dấu hiệu tội phạm mà chưa hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định đó và trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày tạm đình chỉ phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng; trường hợp đã thi hành xong quyết định xử phạt thì người đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính phải chuyển hồ sơ vụ vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

- Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có trách nhiệm xem xét, kết luận vụ việc và trả lời kết quả giải quyết bằng văn bản cho người có thẩm quyền đã chuyển hồ sơ trong thời hạn theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự; trường hợp không khởi tố vụ án hình sự thì trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng phải trả hồ sơ vụ việc cho người có thẩm quyền xử phạt đã chuyển hồ sơ đến.

- Trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 62 Luật XLVPHC 2012, nếu cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự có quyết định khởi tố vụ án thì người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính phải huỷ bỏ quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chuyển toàn bộ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính và tài liệu về việc thi hành quyết định xử phạt cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

- Việc chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự phải được thông báo bằng văn bản cho cá nhân vi phạm.

CÂU HỎI 11: Đối với hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển sang để xử phạt vi phạm hành chính thì xử lý như thế nào?

Điều 63 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định:

- Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó lại có một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm, hình sự theo bản án nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự phải chuyển quyết định nêu trên kèm theo hồ sơ, tang vật, phương tiện của vụ vi phạm (nếu có) và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực.

- Việc xử phạt vi phạm hành chính được căn cứ vào hồ sơ vụ vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến. Trường hợp cần thiết phải xác minh thêm tình tiết để có căn cứ ra quyết định xử phạt, người có thẩm quyền xử phạt có thể lập biên bản xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính theo quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC 2012.

- Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 1 Điều này kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường hợp cần xác minh thêm (nêu trên) thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày.

CÂU HỎI 12: Nguyên tắc xác định và phân định **thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?**

1. Nguyên tắc xác định thẩm quyền xử phạt VPHC

Theo khoản 2 Điều 52 Luật XLVPHC 2012 quy định: Thẩm quyền phạt tiền của người có thẩm quyền xử phạt từ Điều 38 đến Điều 51 Luật XLVPHC 2012 được xác định căn cứ vào mức tối đa của khung tiền phạt quy định đối với từng hành vi vi phạm cụ thể.

Ví dụ: Hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội; phòng, chống tệ nạn xã hội; phòng cháy và chữa cháy; phòng, chống bạo lực gia đình "Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi hủy hoại hoặc cố ý làm hư hỏng tài sản của người khác". Hành vi này thuộc lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội. Trong trường hợp này cách

xác định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như sau:

Theo điểm b khoản 1 Điều 67 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP quy định Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyền phạt tiền đến 4.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực an ninh, trật tự, an toàn xã hội và lĩnh vực phòng, chống tệ nạn xã hội. Tuy nhiên, mức xử phạt cao nhất của hành vi vi phạm trên là 5.000.000 đồng, *vậy đối với hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 2 Điều 15 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP không thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã. Khi tham mưu xử phạt vi phạm hành chính cần lưu ý để chuyển hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cao hơn xử phạt theo đúng quy định của pháp luật.*

2. Nguyên tắc phân định thẩm quyền xử phạt VPHC

- Khoản 3 Điều 52 Luật XLVPHC 2012 quy định: Trong trường hợp vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện.

- Khoản 4 Điều 52 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 26 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy

định: Trường hợp vụ việc vi phạm hành chính có nhiều hành vi vi phạm thì thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được xác định theo nguyên tắc sau đây:

+ Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với từng hành vi đều thuộc thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì thẩm quyền xử phạt vẫn thuộc người đó;

+ Nếu hình thức, mức xử phạt, trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu, biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với một trong các hành vi vượt quá thẩm quyền của người xử phạt vi phạm hành chính thì người đó phải chuyển vụ vi phạm đến cấp có thẩm quyền xử phạt;

+ Nếu hành vi thuộc thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của nhiều người thuộc các ngành khác nhau, thì thẩm quyền xử phạt thuộc Chủ tịch Uỷ ban nhân dân cấp có thẩm quyền xử phạt nơi xảy ra vi phạm.

CÂU HỎI 13. Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính?

Theo khoản 4 Điều 23 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi tại khoản 9 Điều 1 Luật sửa đổi,

bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định: Mức tiền phạt cụ thể đối với một hành vi vi phạm hành chính là mức trung bình của khung tiền phạt được quy định đối với hành vi đó; nếu có tình tiết giảm nhẹ thì mức tiền phạt có thể giảm xuống nhưng không được thấp hơn mức tối thiểu của khung tiền phạt; nếu có tình tiết tăng nặng thì mức tiền phạt có thể tăng lên nhưng không được vượt quá mức tối đa của khung tiền phạt.

Ví dụ: Hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Nghị định số 167/2013/NĐ-CP "Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với hành vi trộm cắp tài sản". Cách áp dụng mức phạt tiền như sau:

- Nếu không có tình tiết tăng nặng hoặc giảm nhẹ thì mức phạt tiền là 1.500.000 đồng*;*

- Nếu có một trong các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 9 Luật XLVPHC 2012 thì người có thẩm quyền xử phạt áp dụng mức phạt tiền từ 1.000.000 đồng *đến dưới 1.500.000* đồng*.*

- Nếu có một trong các tình tiết tăng nặng được quy định tại Điều 10 Luật XLVPHC 2012 thì người có thẩm quyền xử phạt áp dụng mức phạt tiền trên 1.500.000 đồng *đến 2.000.000* đồng*.*

Khi ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền xử phạt phải nêu rõ

các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng được quy định cụ thể tại Luật XLVPHC 2012 và các Nghị định chuyên ngành trong quyết định để có căn cứ áp dụng mức xử phạt tương ứng.

Mức phạt tiền đối với tổ chức gấp hai lần đối với cá nhân.

CÂU HỎI 14: Việc giao quyền xử phạt cho cấp phó của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào? Văn bản giao quyền gồm những nội dung gì?

1. Giao quyền xử phạt

Điều 54 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 28 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định vấn đề giao quyền xử phạt vi phạm hành chính như sau:

- Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm, hành chính quy định tại Điều 38; các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 39; các khoản 2, 2a, 3, 3a và 4 Điều 40; các khoản 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 41; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 42; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 43; các khoản 2, 3 và 4 Điều 43a; các khoản 2, 3, 4 và 5 Điều 44; các khoản 2, 3 và 4 Điều 45; Điều 45a; các khoản 2, 3 và 4 Điều 46; Điều 47; khoản 3 và khoản 4 Điều 48; khoản 2 Điều 48a; các khoản 2, 4 và 5 Điều 49; Điều 51 của Luật XLVPHC 2012

có thể giao cho cấp phó thực hiện thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính.

- Việc giao quyền xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện thường xuyên hoặc theo vụ việc, đồng thời với việc giao quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5, 6 và 7 Điều 119 của Luật XLVPHC 2012. Việc giao quyền phải được thể hiện bằng quyết định, trong đó xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

- Cấp phó được giao quyền xử phạt vi phạm hành chính phải chịu trách nhiệm trước cấp trưởng và trước pháp luật về việc thực hiện quyền được giao. Người được giao quyền không được giao quyền cho người khác.

2. Nội dung của văn bản giao quyền

Theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP), Quyết định giao quyền quy định tại Điều 54, khoản 2 Điều 87 và khoản 2 Điều 123 Luật XLVPHC 2012 phải:

- Xác định rõ phạm vi, nội dung, thời hạn giao quyền.

- Được đánh số, ghi rõ ngày, tháng, năm, trích yếu, ký và đóng dấu; trường hợp cơ quan, đơn vị

của người giao quyền không được sử dụng dấu riêng, thì đóng dấu treo của cơ quan cấp trên.

- Phần căn cứ pháp lý ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính của cấp phó được giao quyền phải thể hiện rõ số, ngày, tháng, năm, trích yếu của quyết định giao quyền.

CÂU HỎI 15: Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính?

Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính được quy định tại khoản 1 Điều 66 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 34 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020), cụ thể như sau:

i) Thời hạn ra quyết định xử phạt là 07 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính; vụ việc thuộc trường hợp phải chuyển hồ sơ đến người có thẩm quyền xử phạt thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 10 ngày làm việc, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 63 của Luật XLVPHC 2012 *"Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận được các quyết định quy định tại khoản 1 Điều 63 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi tại khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) kèm theo hồ sơ vụ vi phạm. Trong trường*

hợp cần xác minh thêm quy định tại khoản 2 Điều 63 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi tại khoản 31 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) thì thời hạn tối đa không quá 45 ngày";

ii) Đối với vụ việc mà cá nhân, tổ chức có yêu cầu giải trình hoặc phải xác minh các tình tiết có liên quan quy định tại Điều 59 của Luật XLVPHC 2012 thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 01 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính;

iii) Đối với vụ việc thuộc trường hợp nêu tại mục (ii) mà đặc biệt nghiêm trọng, có nhiều tình tiết phức tạp, cần có thêm thời gian để xác minh, thu thập chứng cứ thì thời hạn ra quyết định xử phạt là 02 tháng, kể từ ngày lập biên bản vi phạm hành chính.

Lưu ý: *Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính nếu có lỗi trong việc để quá thời hạn mà không ra quyết định xử phạt thì bị xử lý theo quy định của pháp luật*

CÂU HỎI 16: Những trường hợp nào không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính? Xử lý như thế nào đối với những trường hợp này?

1. Những trường hợp không ra quyết định xử phạt VPHC

Khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC 2012 quy định không ra quyết định xử phạt VPHC đối với những trường hợp sau đây:

- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong tình thế cấp thiết;

- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do phòng vệ chính đáng;

- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất ngờ;

- Thực hiện hành vi vi phạm hành chính do sự kiện bất khả kháng;

- Người thực hiện hành vi vi phạm hành chính không có năng lực trách nhiệm hành chính; người thực hiện hành vi vi phạm hành chính chưa đủ tuổi bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật XLVPHC 2012;

- Không xác định được đối tượng vi phạm hành chính;

- Hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Điều 6 hoặc hết thời hạn ra quyết định xử phạt quy định tại khoản 3 Điều 63 hoặc khoản 1 Điều 66 của Luật XLVPHC 2012;

- Cá nhân vi phạm hành chính chết, mất tích, tổ chức vi phạm hành chính đã giải thể, phá sản trong thời gian xem xét ra quyết định xử phạt;

- Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại Điều 62 của Luật XLVPHC 2012.

2. Xử lý đối với các trường hợp không ra quyết định xử phạt VPHC

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 33 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) thì đối với các trường hợp không ra quyết định xử phạt nêu trên (trừ trường hợp chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm) người có thẩm quyền không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính nhưng vẫn phải ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính nếu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính thuộc loại cấm tàng trữ, cấm lưu hành hoặc tang vật, phương tiện mà pháp luật có quy định hình thức xử phạt tịch thu và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả được quy định đối với hành vi vi phạm hành chính đó.

Quyết định phải ghi rõ lý do không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính; tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tịch thu; biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng, trách nhiệm và thời hạn thực hiện.

Việc tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản này không bị coi là đã bị xử phạt vi phạm hành chính.

CÂU HỎI 17: Các biện pháp khắc phục hậu quả? Trường hợp nào thì biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập?

1. Điều 28 Luật XLVPHC 2012 quy định 09 biện pháp khắc phục hậu quả, bao gồm:

- Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu;

- Buộc phá dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép;

- Buộc thực hiện biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường, lây lan dịch bệnh;

- Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoặc tái xuất hàng hoá, vật phẩm, phương tiện;

- Buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường, văn hóa phẩm có nội dung độc hại;

- Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

- Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm;

- Buộc thu hồi sản phẩm, hàng hóa không bảo đảm chất lượng;

- Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính hoặc buộc nộp lại số tiền bằng trị giá tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đã bị tiêu thụ, tẩu tán, tiêu hủy trái quy định của pháp luật.

Ngoài ra, điểm k khoản 1 Điều 28 Luật XLVPHC 2012 quy định các biện pháp khắc phục hậu quả khác do Chính phủ quy định.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập trong những trường hợp không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều 65 Luật XLVPHC 2012 (được nêu tại phần trả lời Câu hỏi 12 của tài liệu này).

CÂU HỎI 18: Trường hợp nào cần phải sửa đổi, bổ sung, đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính? Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính?

1. Khoản 3 Điều 18 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi tại khoản 7 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định: Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, thủ trưởng cơ quan, đơn

vị của người có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính có trách nhiệm phát hiện quyết định về xử lý vi phạm hành chính do mình hoặc cấp dưới ban hành có sai sót và kịp thời đính chính, sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, ban hành quyết định mới theo thẩm quyền.

Điều 6a Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định:

- Quyết định về xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Có sai sót về kỹ thuật soạn thảo làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định;

+ Có sai sót về nội dung nhưng không làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định.

- Quyết định về xử lý vi phạm hành chính được đính chính khi có sai sót về kỹ thuật soạn thảo mà không làm ảnh hưởng đến nội dung của quyết định.

- Khi phát hiện quyết định về xử lý vi phạm hành chính có sai sót thuộc các trường hợp nêu trên, người đã ban hành quyết định về xử lý vi phạm hành chính tự mình hoặc theo yêu cầu của thủ trưởng cơ quan, đơn vị của người đó có trách

nhiệm sửa đổi, bổ sung hoặc đính chính những nội dung sai sót trong quyết định.

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, văn bản đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính là những văn bản gắn liền với quyết định về xử lý vi phạm hành chính đã được ban hành và được lưu trong hồ sơ xử lý vi phạm hành chính.

2. Theo quy định tại Điều 6c Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) thì thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, trừ trường hợp hết thời hiệu quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 6 Luật XLVPHC 2012.

CÂU HỎI 19: Trường hợp nào hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính? Thời hạn thực hiện hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính?

1. Điều 6b Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định:

- Người đã ban hành quyết định về xử lý vi phạm hành chính phải hủy bỏ toàn bộ nội dung quyết định khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Có vi phạm quy định pháp luật về thẩm quyền, thủ tục xử lý vi phạm hành chính;

+ Ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 65 Luật XLVPHC 2012;

+ Giả mạo, làm sai lệch hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính, hồ sơ áp dụng biện pháp xử lý hành chính quy định tại khoản 10 Điều 12 Luật XLVPHC 2012;

+ Có quyết định khởi tố vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đối với vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật XLVPHC 2012.

- Tùy thuộc vào tính chất, mức độ sai sót, người đã ban hành quyết định về xử lý vi phạm hành chính phải hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ nội dung quyết định khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Có sai sót về nội dung làm thay đổi cơ bản nội dung của quyết định;

+ Quyết định giải quyết khiếu nại của người hoặc cơ quan có thẩm quyền giải quyết khiếu nại được ban hành dẫn đến việc thay đổi căn cứ, nội dung của quyết định về xử lý vi phạm hành chính.

- Trong các trường hợp sau đây, nếu có căn cứ để ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành

chính thì người đã ban hành quyết định phải ban hành quyết định mới hoặc chuyển người có thẩm quyền ban hành quyết định mới:

+ Các trường hợp nêu trên, trừ trường hợp có quyết định khởi tố vụ án của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự đối với vụ việc vi phạm có dấu hiệu tội phạm;

+ Có bản án, quyết định của Tòa án về việc hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ quyết định về xử lý vi phạm hành chính bị khởi kiện.

2. Theo quy định tại Điều 6c Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) thì thời hạn thực hiện việc hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ra quyết định, trừ trường hợp hết thời hiệu quy định tại điểm a khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 6 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020).

CÂU HỎI 20: Hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành của quyết định sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính?

Điều 6d Nghị định số 81/2013/NĐ-CP (được bổ sung tại khoản 11 Điều 1 Nghị định số 97/2017/NĐ-CP) quy định:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính, văn bản đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính có hiệu lực kể từ thời điểm ký hoặc thời điểm cụ thể ghi trong quyết định.

- Thời hạn thi hành quyết định sửa đổi, bổ sung, quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính là 10 ngày làm việc, kể từ ngày cá nhân, tổ chức vi phạm nhận được quyết định. Đối với quyết định sửa đổi, bổ sung, quyết định mới về áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thì cá nhân vi phạm phải thi hành ngay khi nhận được quyết định.

- Thời hiệu thi hành quyết định sửa đổi, bổ sung, quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính là 01 năm, kể từ ngày ban hành quyết định. Đối với quyết định sửa đổi, bổ sung, quyết định mới về áp dụng biện pháp xử lý vi phạm hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thì thời hiệu thi hành là 06 tháng, kể từ ngày ban hành quyết định.

CÂU HỎI 21: Điều kiện và trình tự, thủ tục để đối tượng vi phạm hành chính được hoãn thi hành quyết định phạt tiền?

1. Điều kiện hoãn thi hành quyết định phạt tiền

Theo quy định tại khoản 1 Điều 76 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản

37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) việc hoãn thi hành quyết định phạt tiền được áp dụng khi có đủ các điều kiện sau đây:

- Cá nhân bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, tổ chức bị phạt tiền từ 100.000.000 đồng trở lên;

- Cá nhân đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn; tổ chức đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh.

- Trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi ngươi đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp cá nhân gặp khó khăn về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn thì phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

- Trường hợp tổ chức đang gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh thì phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

2. Trình tự, thủ tục hoãn thi hành quyết định phạt tiền:

Khoản 2 và khoản 3 Điều 76 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định:

- Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị hoãn chấp hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền gửi người đã ra quyết định xử phạt trong thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 68 của Luật XLVPHC 2012 *"Thời hạn thi hành quyết định là 10 ngày, kể từ ngày nhận quyết định xử phạt; trường hợp quyết định xử phạt có ghi thời hạn thi hành nhiều hơn 10 ngày thì thực hiện theo thời hạn đó"*.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định hoãn thi hành quyết định xử phạt đó.

Thời hạn hoãn thi hành quyết định xử phạt không quá 03 tháng, kể từ ngày có quyết định hoãn.

- Cá nhân, tổ chức được hoãn chấp hành quyết định xử phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện vi phạm hành chính đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật XLVPHC 2012.

CÂU HỎI 22: Điều kiện và trình tự, thủ tục để đối tượng vi phạm hành chính được miễn, giảm tiền phạt?

1. Điều kiện để đối tượng vi phạm hành chính được miễn, giảm tiền phạt: Khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 77 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định:

- Việc giảm một phần tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt đối với cá nhân, tổ chức đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật XLVPHC 2012 được quy định như sau:

+ Cá nhân tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Tổ chức tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Cá nhân được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt do không có khả năng thi hành quyết định nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định nêu trên mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy han nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật XLVPHC 2012 nhưng gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

- Tổ chức được miễn phần tiền phạt còn lại ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

+ Đã được giảm một phần tiền phạt theo quy định tại khoản 1 Điều này hoặc đã nộp tiền phạt lần thứ nhất hoặc lần thứ hai trong trường hợp được nộp tiền phạt nhiều lần theo quy định tại Điều 79 của Luật XLVPHC 2012;

+ Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;

+ Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

- Cá nhân không có khả năng thi hành quyết định được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

+ Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật XLVPHC 2012 mà tiếp tục gặp khó khăn về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc;

+ Bị phạt tiền từ 2.000.000 đồng trở lên, đang gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh, mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó học tập, làm việc; trường hợp gặp khó khăn đột xuất về kinh tế do mắc bệnh hiểm nghèo, tai nạn phải có thêm xác nhận của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện trở lên.

- Tổ chức được miễn toàn bộ tiền phạt ghi trong quyết định xử phạt khi đáp ứng đủ điều kiện sau đây:

+ Đã được hoãn thi hành quyết định phạt tiền theo quy định tại Điều 76 của Luật XLVPHC 2012;

+ Đã thi hành xong hình thức xử phạt bổ sung, biện pháp khắc phục hậu quả được ghi trong quyết định xử phạt;

+ Tiếp tục gặp khó khăn đặc biệt hoặc đột xuất về kinh tế do thiên tai, thảm họa, hỏa hoạn, dịch bệnh và có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế, cơ quan Thuế quản lý trực tiếp hoặc cơ quan cấp trên trực tiếp.

2. Trình tự, thủ tục miễn, giảm tiền phạt: Khoản 5 và 6 Điều Điều 77 Luật XLVPHC 2012 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 38 Điều 1 Luật

sửa đổi, bổ sung một số điều Luật XLVPHC 2020) quy định:

- Cá nhân, tổ chức phải có đơn đề nghị giảm, miễn tiền phạt kèm theo xác nhận của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định nêu trên gửi người đã ra quyết định xử phạt. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận, được đơn, người đã ra quyết định xử phạt xem xét, quyết định việc giảm, miễn và thông háo cho người có đơn đề nghị giảm, miễn biết; nếu không đồng ý với việc giảm, miễn thì phải nêu rõ lý do.

- Cá nhân, tổ chức được giảm, miễn tiền phạt được nhận lại giấy tờ, tang vật, phương tiện đang bị tạm giữ theo quy định tại khoản 6 Điều 125 của Luật XLVPHC 2012.

MỤC LỤC

CÁC CÂU HỎI VỀ XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Lời giới thiệu 3

Câu 1 Vi phạm hành chính là gì? Các đối tượng nào bị xử phạt vi phạm hành chính? 5

Câu 2 Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là gì? Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào? 7

Câu 3 Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính và nguyên tắc áp dụng các hình thức xử phạt được quy định như thế nào? 10

Câu 4 Khi phát hiện hành vi vi phạm, người có thẩm quyền tiến hành xử phạt vi phạm hành chính theo trình tự, thủ tục như thế nào? 12

Câu 5 Biên bản vi phạm hành chính gồm những nội dung gì? Các yêu cầu về việc lập biên bản vi phạm hành chính? 16

Câu 6	Trường hợp người vi phạm, đại diện tổ chức vi phạm không có mặt tại nơi vi phạm hoặc cố tình trốn tránh hoặc vì lý do khách quan mà không ký vào biên bản thì xử lý như thế nào? Trường hợp biên bản vi phạm hành chính có sai sót hoặc không thể hiện đầy đủ, chính xác các nội dung theo quy định thì xử lý như thế nào?	18
Câu 7	Trong một vụ việc có nhiều hành vi vi phạm hành chính thì xử lý như thế nào?	20
Câu 8	Những người nào có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính?	20
Câu 9	Trường hợp nào thì đối tượng vi phạm hành chính được thực hiện quyền giải trình?	22
Câu 10	Khi xem xét xử lý vi phạm hành chính, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm thì xử lý như thế nào?	25
Câu 11	Đối với hồ sơ do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng chuyển sang để xử phạt vi phạm hành chính thì xử lý như thế nào?	26

Câu 12	Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính?	28
Câu 13	Nguyên tắc áp dụng mức phạt tiền đối với một hành vi vi phạm hành chính?	30
Câu 14	Việc giao quyền xử phạt cho cấp phó của người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính được quy định như thế nào? Văn bản giao quyền gồm những nội dung gì?	32
Câu 15	Thời hạn ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính?	34
Câu 16	Những trường hợp nào thì không ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính? Xử lý như thế nào đối với những trường hợp này?	35
Câu 17	Các biện pháp khắc phục hậu quả? Trường hợp nào thì biện pháp khắc phục hậu quả được áp dụng độc lập?	38
Câu 18	Trường hợp nào cần phải sửa đổi, bổ sung, đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính? Thời hạn thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, đính chính quyết định về xử lý vi phạm hành chính?	39

Câu 19 Trường hợp nào hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính? Thời hạn thực hiện hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính? 41

Câu 20 Hiệu lực, thời hạn, thời hiệu thi hành của quyết định sửa đổi, bổ sung, đính chính, hủy bỏ, ban hành quyết định mới về xử lý vi phạm hành chính? 43

Câu 21 Điều kiện và trình tự, thủ tục để đối tượng vi phạm hành chính được hoãn thi hành quyết định phạt tiền? 44

Câu 22 Điều kiện và trình tự, thủ tục để đối tượng vi phạm hành chính được miễn, giảm tiền phạt? 47

MỘT SỐ CÂU HỎI
LIÊN QUAN ĐẾN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

(Tài liệu được cấp phát miễn phí)

Chịu trách nhiệm xuất bản
LÊ VIẾT HỒNG
Giám đốc Sở Tư pháp

Chịu trách nhiệm nội dung
NGUYỄN QUỐC TUẤN
Phó Giám đốc Sở Tư pháp

Ban Biên tập
TRẦN THỊ HẢI GIANG
BÙI CẨM THẠCH
LÊ THỊ VIỆT PHƯƠNG
PHAN QUANG LÝ
NGUYỄN THỊ KIM KHÁNH
TRẦN THỊ THANH HOA
LÊ THỊ HOA
NGUYỄN THỊ KIM OANH

Trình bày
NGUYỄN THỊ KIM LÀNH
LÊ MAI ANH

In cuốn khổ 12 x 18 cm tại Công ty CP In Hà Tĩnh. Giấy phép xuất bản số 92/GP-STTTT do Sở Thông tin và Truyền thông Hà Tĩnh cấp ngày 17/12/2021. In xong và nộp lưu chiểu tháng 12 năm 2021.